TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **02**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng và bà Lê Thị Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hữu Ái – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1988 –*Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.* Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông. (địa chỉ hiện nay là thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng)

- Bị đơn: Anh Lò Văn C, sinh năm 1987- *Vắng mặt*. Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông. (địa chỉ hiện nay là thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn của anh chị là tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C có 02 con chung là cháu Lò Thị Thùy C1, sinh ngày 11/01/2007 và cháu Lò Thùy C2, sinh ngày 04/12/2009, hiện nay các cháu đang sống cùng mẹ của chị Lò Thị Tuyết . Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không hợp tính nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân

căng thẳng, mặc dù gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng vợ chồng không tìm được phương án để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay không còn giữ liên lạc với nhau. Chị Lò Thị Tuyết N thấy không còn tình cảm yêu thương với anh Lò Văn C, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không còn duy trì vì vậy chị Lò Thị T khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút (nay là TAND khu vực 9 – Lâm Đồng) giải quyết cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn C; về con chung, hiện nay các con chung đang được chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng nên có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng các con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 11/6/2025, chị Lò Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

Đối với bị đơn anh Lò Văn C:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút (nay là TAND khu vực 9 – Lâm Đồng) đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lò Văn C nhưng anh Lò Văn C đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải.

Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Cư Jút (nay là TAND khu vực 9 – Lâm Đồng) đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa ra xét xử cho anh Lò Văn C nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn với anh Lò Văn C, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Lò Văn C có nơi cư trú tại thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Nay là thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Nên Tòa án nhân dân huyện Cư Jút (Nay là Tòa án khu vực 9 – Lâm Đồng) thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Đắk Nông (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc, do đó hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn C là hôn nhân hợp pháp.

Chị Lò Thị T trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không hợp tính nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân căng thẳng, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng vẫn không tìm được phương án để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Tại biên bản xác minh ngày 20/2/2025, ghi nhận ý kiến của ông Đinh Công Đ – Trưởng Thôn N là đại diện chính quyền địa phương thể hiện: Anh C và chị T kết hôn vào năm 2011 và chung sống tại Thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Khoảng từ năm 2021 đến nay, đã không thấy hai vợ chồng cùng chung sống tại địa phương. Anh Lò Văn C sống tại thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông, anh C thường đi làm không có nhà. Theo thông tin nghe kể, hai bên đã ly thân nhưng chưa có xác nhận chính thức về tình trạng hôn nhân hiện tại. Căn cứ vào thực tế tình trạng sinh sống thực tế của hai bên tại địa phương, ông Đinh Công Đ xác nhận: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C đã không còn chung sống với nhau từ khoảng năm 2021, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị đại diện địa phương không biết vì họ không yêu cầu hòa giải cơ sở.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C là trầm trọng, vợ chồng không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng sống ly thân,

không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị Tuyết .

[2.2]. Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C có 02 con chung là cháu Lò Thị Thùy C1, sinh ngày 11/01/2007 và cháu Lò Thùy C2, sinh ngày 04/12/2009. Hiện nay các con chung đang cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lò Thị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lò Thùy C2, sinh ngày 04/12/2009 đến tưởi trưởng thành (đủ 18 tuổi), cháu Lò Thị Thùy C1, sinh ngày 11/01/2007 hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyện vọng của cháu Lò Thùy C2 là được sống cùng mẹ. Trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, cũng như nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu cháu Lò Thùy C2, sinh ngày 04/12/2009 cho chị Lò Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù với với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Lò Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị Tuyết .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thùy C2, sinh ngày 04/12/2009 cho chị Lò Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lò Văn C được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005373 ngày 05/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (Nay là Phòng T1 - Lâm Đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 9 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV 9 - Lâm Đồng;
- UBND xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Thọ